TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-03-2026.
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lê.
Bà Trần Thị Chín.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 12 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 12 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Phạm Văn K, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn K tự nguyện chung sống với nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 02/11/2012. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 04 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 11/11/2009, Phạm Khánh N, sinh ngày 19/01/2020, Phạm Gia V, sinh ngày 03/11/2012, Phạm Trần Tú L, sinh ngày 07/01/2026, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn K trình bày: Anh và chị Trần Thị Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 02/11/2012. Sau khi đăng ký kết hôn

vợ chồng chung sống với nhau thời gian gần đây thì nảy sinh mâu thuẫn không hợp nhau, hiện nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 04 con chung hiện nay anh không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về nợ chung: Nợ hai người, sau ly hôn có trách nhiệm trả, hiện tại chưa làm rõ được nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn K, nơi cư trú của anh Phạm Văn K tại thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án " Hôn nhân gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 12 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Văn K tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 02/11/2012. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T thấy rằng: Sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K, bị đơn anh Phạm Văn K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Cẩm T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Văn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T là phù hợp.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Trần Thị Cẩm T thấy rằng: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 04 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 11/11/2009, Phạm Khánh N, sinh ngày 19/01/2020, Phạm Gia V, sinh ngày

03/11/2012, Phạm Trần Tú L, sinh ngày 07/01/2026, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, từ trước đến nay chị Trần Thị Cẩm T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Phạm Văn K cũng không có ý kiến yêu cầu gì về con chung, do đó cần giao con chung cho chị Trần Thị Cẩm T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn K trình bày có nợ hai người, tuy nhiên anh Phạm Văn Khánh không cung cấp họ tên địa chỉ cụ thể của những người anh nợ, số tiền nợ là bao nhiêu, Toà án đã thông báo yêu cầu anh Phạm Văn K làm đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung, cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh số nợ chung của anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Cẩm T nhưng anh Phạm Văn K không thực hiện, chị Trần Thị Cẩm T khẳng định chị và anh Phạm Văn K không có nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nợ chung giữa anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Cẩm T.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009015 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[4]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm T, chị Trần Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Văn K.

[2]. Về con chung: Giao con chung Phạm Gia B, sinh ngày 11/11/2009, Phạm Khánh N, sinh ngày 19/01/2020, Phạm Gia V, sinh ngày 03/11/2012, Phạm

Trần Tú L, sinh ngày 07/01/2026 cho chị Trần Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Cẩm T và anh Phạm Văn K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Anh Phạm Văn K không cung cấp họ tên địa chỉ cụ thể của những người anh nợ, số tiền nợ là bao nhiêu, Toà án đã thông báo yêu cầu anh Phạm Văn Khánh làm đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung, cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh số nợ chung của anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Cẩm T nhưng anh Phạm Văn K không thực hiện, chị Trần Thị Cẩm T khẳng định chị và anh Phạm Văn K không có nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nợ chung giữa anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Cẩm T.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009015 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu Vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh